TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:116/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Vũ

2. Ông Trần Thị Kim Đồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị T – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1978 "có mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã C, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/5/2022 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày: Vào năm 2019 chị và anh Nguyễn Thanh S thành hôn theo phong tục tập quán nhưng chị và anh S không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp T, xã C, huyện G. Thời gian đầu chị và anh S sống hạnh phúc, đến tháng 06/2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cải, sự việc được gia đình hai bên nhắc nhở nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, lý do anh không quan tâm đến cuộc sống vợ, ăn chơi cờ bạc dẫn đến mục đích hôn nhân

không đạt nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Sau đó, cả hai không ai quan tâm cho cuộc sống của nhau. Nên chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Sau khi thụ lý đơn của chị T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh S không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp cho nên không tiến hành phiên họp được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ yêu cầu trên, bị đơn vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S, địa chỉ: ấp T xã V, huyện C tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thanh T và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn và theo giấy xác nhận tình trạng Hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì chị Trần Thanh T và anh Nguyễn Thanh S không có đăng ký kết hôn. Do anh chị kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không công nhận chị anh chị là vợ chồng.

[3]. Quá trình chung sống chị T cho là giữa chị và anh S không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên chị T và anh S không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn khoản a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thanh T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thanh T và anh Nguyễn Thanh S là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thanh T nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* chị Trần Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0014546 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện R;
- Thi hành án dân sự huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong